

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 209/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-7-2023

Về việc: “Xin ly hôn...” .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Thâm và ông Đặng Văn Thái

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài– Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc: “Xin ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 989/2023/QĐST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phạm Thị Th, sinh năm 1979, có mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Huỳnh Tấn Th1, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn G, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày: Giữa chị với anh **Huỳnh Tấn Th1** tự tìm hiểu và kết hôn cuối năm 2008 theo phong tục truyền thống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph vào ngày 21-5-2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng mấy năm gần đây phát sinh mâu thuẫn, chồng chị thường xuyên uống rượu về gây sự, đánh đập, ngược đãi chị, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, không lo làm ăn, chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, sau nhờ người lớn can thiệp nhưng anh vẫn chứng nào tật nấy, nên mâu thuẫn vợ chồng chị ngày càng trầm trọng hơn. Bản thân chị không yên tâm làm việc và không được an toàn mỗi khi anh Th1 đi ngủ. Vì vậy nay chị Th thấy tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh Th1. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12-8-2011, Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 12-8-2011, hiện các con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị Th xin nuôi 2 con, chị yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị Th khai có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, có nợ chung là nợ Ngân hàng chính sách Việt nam chi Nhánh huyện T 20.000.000đ, nhưng đại diện Ngân hàng không yêu cầu nên chị cũng không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị Th không khai và không yêu cầu gì khác.

*Đối với bị đơn **Huỳnh Tấn Th1** vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật, bị đơn anh Th1 vẫn vắng mặt không có lý do, nhưng có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th như sau:* Anh và chị Th tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn nhưng không nhớ năm nào. Quá trình chung sống vợ chồng có cãi nhau, do anh có nhậu mà vợ hay nói nên anh bực tức có đánh chị Th. Bản thân anh thấy mình sai, đã cố gắng sửa chữa. Mong chị Th tha thứ để vợ chồng đoàn tụ. Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12-8-2011, Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 12-8-2011, hiện các con đang ở cùng chị Th. Nay ly hôn anh xin nuôi 2 con, chị yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con, nếu con ở với chị Th thì anh sẽ chu cấp khi có điều kiện. Về quan hệ tài sản chung: Anh Th1 khai không yêu cầu giải quyết, có nợ chung là nợ Ngân hàng chính sách Việt Nam chi Nhánh huyện T 20.000.000đ, anh yêu cầu chia nợ chung. Ngoài ra anh Th1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Th ly hôn với anh Th1. Về nuôi con chung: Giao 2 con chung của chị Th và anh Th1 tên là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12-8-2011, Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 12-8-2011, cho chị Hồng tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa xét buộc anh Th1 cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Về quan hệ tài sản chung: Chị Th khai có tài sản chung không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xét, có nợ chung là 20.000.000đ Ngân hàng chính sách Việt Nam, chi nhánh huyện T nhưng đại diện Ngân hàng không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th1 là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh **Huỳnh Tấn Th1** cư trú tại **Thôn Giang Bắc, xã Ph**, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Th1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Th thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Phạm Thị Th và anh **Huỳnh Tấn Th1** tự tìm hiểu và tự nguyện kết hôn từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 21-5-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 là hợp pháp. Theo chị Th khai trong thời gian sống chung không có trách nhiệm với gia đình, anh Th1 cũng thừa nhận có làm những điều sai trái với vợ con. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị Th tại địa phương nơi anh Th1 cư trú nhưng anh Th1 vẫn không đến Tòa, mà có bản trình bày ý kiến mong muốn đoàn tụ. Việc anh Th1 không đến các phiên hòa giải và tại phiên tòa điều này chứng tỏ anh Th1 không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị Th và anh Th1 và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh Th1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Th được ly hôn anh Th1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị Th và anh Th1 có 02 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12-8-2011, Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 12-8-2011, hiện các con đang ở cùng chị Th. Nay ly hôn chị Th xin nuôi cả 2 con, chị Th yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ. Hội đồng xét xử xét theo nguyện vọng của cháu H, cháu D mong muốn ở cùng chị Th nên giao cả 02 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là phù hợp nên được chấp nhận.

[2].3 Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh Th1 không yêu cầu giải quyết, nên Tòa không xét. Về nợ chung: Chị Th và anh Th1 có nợ Ngân hàng chính sách Việt Nam, chi nhánh huyện T 20.000.000đ, nhưng đại diện Ngân hàng chính sách Việt Nam chi nhánh huyện T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Th1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, 35, 39, 227 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Th ly hôn anh **Huỳnh Tấn Th1**.

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao 02 con chung của chị Th và anh Th1 tên là 02 con chung tên là Huỳnh Thị Ngọc H, sinh ngày 12-8-2011, Huỳnh Thị Ngọc D, sinh ngày 12-8-2011 cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, hiện các con đang ở cùng chị Th. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Th1 cấp dưỡng nuôi hai con mỗi đứa một tháng 1.000.000đ, tổng cộng 2.000.000đ/ tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị Th phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn, buộc anh Th1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001468, ngày 23-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 12-7-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các bên đương sự
- VKSND huyện T
- Chi cục THADS huyện T
- Phòng GDKT TAND tỉnh Bình Định .
- UBND xã Ph
- Số 55, ngày 21-5-2008)
- Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

